

Bản án số: 53/2018/HS-ST
Ngày 23-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Quý

Ông Nguyễn Hữu Trọng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đắc Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2018/HSST ngày 20 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN T, sinh năm 1993 tại xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị V; vợ, con: Chưa; Danh chỉ bản số 88 lập ngày 18-12-2017 tại Công an huyện Chương Mỹ; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 06-3-2013 bị Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội xử phạt 40 tháng tù về tội: “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 202 Bộ luật hình sự năm 1999 (*Bản án số 29/2013/HSST ngày 06-3-2013 của TAND huyện Q*), chấp hành xong hình phạt tù ngày 12-01-2016.

- Ngày 28-02-2017 bị Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hà Nội xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (*Bản án số 15/2017/HSST ngày 28-02-2017 của TAND huyện C - Giá*

trị tài sản trộm cắp là 3.500.000 đồng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 20-9-2017.

Nhân thân:

Ngày 16-9-2009 bị TAND huyện L, tỉnh H xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản” quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30-4-2012. Do khi phạm tội là trẻ em (15 tuổi 9 tháng 10 ngày) nên được coi là không có án tích theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-12-2017, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố Hà Nội, có mặt.

2. ĐỖ VĂN H, sinh năm 1996 tại huyện C, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: tổ 2, khu X, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T và bà Võ Thị H; vợ, con: Chưa; Danh chỉ bản số 87 lập ngày 18-12-2017 tại Công an huyện Chương Mỹ; tiền sự: Không;

Tiền án:

- Ngày 21-8-2015 bị Tòa án nhân dân huyện C xử phạt 07 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (*Bản án số 93/2015/HSST ngày 21-8-2015 của TAND huyện C*), chấp hành xong hình phạt tù ngày 09-01-2016.

- Ngày 20-12-2016 bị Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại Khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (*Bản án số 138/2016/HSST ngày 20-12-2016 của TAND huyện C*), chấp hành xong hình phạt tù ngày 06-10-2017.

Tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-12-2017, đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an Thành phố Hà Nội, có mặt.

- **Người bị hại:** Anh **Nguyễn Thiên L**, sinh năm 1995 - Nơi ĐKKHKT: Tổ 17, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội; Tạm trú tại: Số nhà 126c, ngõ 3, tổ 2, khu T, thị trấn X, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, *có mặt*.

- Người làm chứng:

1. Anh **Trần Văn T1**, sinh năm 1995 – Tạm trú tại: Tổ 2, khu T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội, *vắng mặt*.

2. Anh **Đặng Văn P**, sinh năm 1991 - Trú tại: Số nhà 87, ngõ 3, tổ 2, khu T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội, *vắng mặt*.

3. Anh **Lê Chí Anh T2**, sinh năm 1998 - Tạm trú tại: Tổ 2, khu T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội, *vắng mặt*.

4. Anh **Lê Xuân T3**, sinh năm 1982 - Trú tại: Tổ 2, khu T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội, *vắng mặt*.

5. Anh **Trần Trọng T4**, sinh năm 1982 - Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện C, Thành phố Hà Nội, *vắng mặt*.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 15 phút ngày 11-12-2017, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H cùng đi chơi điện tử tại quán Internet của chị Ngô Thị G (*số nhà 77, ngõ 3, tổ 2, khu T, thị trấn X, huyện C, Thành phố Hà Nội*). Đến khoảng 02 giờ ngày 18-12-2017, T, H đi về thấy trước cửa quán có 01 chiếc xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 29T1-xx của anh Nguyễn Thiên L đang chơi game. T bàn với H tìm dụng cụ phá khoá để trộm cắp chiếc mô tô của anh L, H dẫn T đến nhà bạn H là anh Lê Xuân T3 (*Trú tại ngõ 3, tổ 2, khu T, thị trấn X, huyện C*) mượn để tìm dụng cụ phá ổ khoá nhưng T3 trả lời không có rồi đi ngủ. T đi tìm trong khu vực nhà T3 được 01 chiếc kéo rồi cùng H quay lại quán Internet của chị G. Khi đến quán, H vào trong quán chơi điện tử nhằm mục đích cảnh giới, T dùng kéo phá khoá lấy xe mô tô BKS 29T1-xx rồi chở H đến khu vực thôn Đ, xã Đ, huyện M gặp Trần Trọng T4 hỏi vay 3.800.000 đồng và gửi lại chiếc xe mô tô để làm tin. H và T cùng chi tiêu hết số tiền 3.800.000 đồng. Đến ngày 14-12-2017, Nguyễn Văn T trả lại số tiền 3.800.000 đồng cho Trần Trọng T4 và lấy lại xe mô tô, tháo vớt biển kiểm soát để sử dụng.

Khi biết việc lấy trộm xe đã bị phát hiện, ngày 17-12-2017 Đỗ Văn H và Nguyễn Văn T đã đến Công an Thị trấn X để đầu thú và giao nộp xe mô tô trộm cắp được.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chương Mỹ kết luận: 01 chiếc xe hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 29T1-xx có trị giá 5.000.000 đồng. Ngày 28-12-2017, Công an huyện C đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại xe mô tô cho anh Nguyễn Thiên L, anh L đã nhận lại xe và không yêu cầu bồi thường gì khác.

Cáo trạng số 32/CT-VKS ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ truy tố Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H khai nhận cùng thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản 01 xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 29T1-xx của anh Nguyễn Thiên L đang để trước cửa quán Internet của chị Ngô Thị G. Sau khi biết đã bị phát hiện, H điện cho T ra đầu thú và giao nộp lại xe mô tô trả cho anh L.

Người bị hại Nguyễn Thiên L trình bày khi biết Đỗ Văn H là người lấy trộm xe mô tô đã trình báo với Công an thị trấn X. Do các bị cáo đã đầu thú và giao nộp trả lại xe cho anh L nên anh xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa khẳng định có đầy đủ căn cứ truy tố Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H về tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, phạt Nguyễn Văn T từ 30 đến 36 tháng tù, Đỗ Văn H từ 24 đến 30 tháng tù; Không phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhân định như sau:

[1] *Về tội danh*: Xét lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người làm chứng, vật chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận: Trong ngày 12-12-2017, Nguyễn Văn T và Đỗ Văn H cùng nhau thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô Wave ALPHA trị giá 5.000.000 đồng của anh Nguyễn Thiên L. Cáo trạng của Viện kiểm sát huyện Chương Mỹ truy tố các bị cáo phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và phạm vào tình tiết định khung “*Tái phạm nguy hiểm*” là có căn cứ.

Hành vi của bị cáo thực hiện trước khi Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành nên được áp dụng các quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 đồng thời áp dụng quy định có lợi cho các bị cáo theo Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử. Tại Điểm c Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 có quy định ngang bằng với Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, tuy nhiên tội “*Trộm cắp tài sản*” tại Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định nhẹ hơn so với Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 nên Tòa án xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] *Về tính chất, mức độ tội phạm và năng lực chịu trách nhiệm hình sự và vai trò phạm tội của từng bị cáo* : Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự trên địa bàn; Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội, thấy cần áp dụng hình phạt tù thỏa đáng đối với các bị cáo để giáo dục và răn đe, phòng ngừa chung.

Xét về vai trò phạm tội của từng bị cáo thì bị cáo Nguyễn Văn T là người chủ động bàn bạc, phân công đồng phạm, trực tiếp thực hiện hành vi phá khóa trộm cắp tài sản và quản lý tài sản trộm cắp được nên có vai trò phạm tội cao hơn bị cáo Đỗ Văn H.

[3] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ*: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H đều bị kết án 02 lần chưa được xóa án lại tiếp tục phạm tội nên thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung hình phạt nên không coi là tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999.

Các bị cáo đã tự nguyện ra đầu thú, khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, tự nguyện giao nộp tài sản để trả lại cho người bị hại được người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt là các tình tiết giảm nhẹ chung theo quy định tại Điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Xét điều kiện kinh tế và hoàn cảnh của gia đình các bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[5] *Về bồi thường thiệt hại*: Bị hại Nguyễn Thiên L đã nhận tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] *Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng*: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và người tiến hành tố tụng khác trong vụ án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015; Điểm b, p khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị Quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14 về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **36** (ba mươi sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 18-12-2017.

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Văn H **30** (ba mươi) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 18-12-2017.

- Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án , buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H mỗi người phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án Thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ (02 bản để gửi VKSND Thành phố Hà Nội 01 bản);
- Trại tạm giam số 02, CATP Hà Nội;
- Công an huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội;
- CC THADS H. Chương Mỹ, TP. Hà Nội
- Thi hành án hình sự;
- Bị cáo; Người bị hại;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ; VP.Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Trường